

Số: 29/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 253/2020/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trương Thành T. Địa chỉ: Số nhà 40, phố Nguyễn Duy T, tổ 09, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Thu G. Địa chỉ: SN 01, ngõ 145 tổ 19, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147; Điều 212; Điều 213; Điều 217; Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82,83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành 23 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trương Thành T và Chị Trần Thị Thu G.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Thành T và chị Trần Thị Thu G tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các cháu Trương Bảo N, sinh ngày 06/7/2009; Trương Bảo C, sinh ngày 01/4/2011; Trương Bảo K, sinh ngày 23/11/2018 cho chị Trần Thị Thu G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Trương Thành T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Trương Bảo C; Trương Bảo K với mức 1.000.000đ/tháng/1 cháu (Mức cấp dưỡng cho cả 2 cháu là 2.000.000đ/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về Tài sản chung, công nợ chung:

* Anh Trương Thành T tự nguyện rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu về việc chia tài sản chung, công nợ chung:

- Đình chỉ yêu cầu về việc chia tài sản chung, công nợ chung của anh Trương Thành T đối với chiếc xe ô tô BKS 23A-074.42 và khoản nợ Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Giang, số tiền 320.000.000đ.

- Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc phân chia tài sản chung (Theo Văn bản thoả thuận phân chia tài sản trước ly hôn số 467/SCC, ngày 22/3/2021 tại Văn phòng công chứng Vị Xuyên) như sau:

"1. Ông Trương Thành T đồng ý chuyển xe ô tô Biển số: 23A-074.42 từ tài sản chung sang tài sản riêng cho bà Trần Thị Thu G.

2. Bà Trần Thị Thu G trả cho ông Trương Thành T số tiền là 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Ông Trương Thành T có trách nhiệm trả khoản nợ Ngân hàng Trương Thành T và bà Trần Thị Thu G đã cùng ký vay.

3. Các khoản nợ riêng của ông Trương Thành T và bà Trần Thị Thu G tự vay (Nếu có) từng người tự chịu trách nhiệm trả nợ.

4. Ông Trương Thành T không có quyền và nghĩa vụ liên quan đối với xe ô tô Biển số: 23A-074.42 kể từ ngày ký văn bản này".

- Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện: Đương sự không có quyền khởi kiện lại về việc yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản và công nợ đã ghi nhận trên đây.

* Chị Trần Thị Thu G tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố theo Đơn phản tố ngày 23/12/2020; Đơn sửa đổi, bổ sung đơn phản tố ngày 18/01/2021 và ngày 20/01/2021.

Đình chỉ giải quyết toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn chị Trần Thị Thu G. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại nếu có căn cứ.

3. Về án phí: Anh Trương Thành T tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh T đã nộp theo biên lai thu số **0002341 ngày 30/10/2020**, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Trả lại cho anh Trương Thành T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.250.000đ (*Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0002397 ngày 16/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang.

- Trả lại cho chị Trần Thị Thu G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 7.650.000đ (*Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 0002442 ngày 18/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Hà Giang

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPH;
- CCTHA dân sự TPH;
- TAND tỉnh HG;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Mỹ Lệ